

UBND HUYỆN TRIỆU SƠN
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2020
(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐXT ngày tháng 10 năm 2020 của UBND của Hội đồng xét tuyển)

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)	(10)
A	GIÁO VIÊN MẦM NON								
I	GIÁO VIÊN MẦM NON (HỢP ĐỒNG THEO QĐ 60 VÀ NĐ 06)								
MN 0001	Lê Thị An	27.07.1990	TT Nưa Triệu Sơn	TT Nưa Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
MN 0002	Lê Thị Bình	20.05.1985	Thọ Vực Triệu Sơn	Nam Giang Thọ Xuân	ĐH	Sư phạm mầm non	25.00		25.00
MN 0003	Đoàn Thị Cảnh	21.01.1987	Thọ Thế Triệu Sơn	Thọ Thế Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	59.00	5.00	64.00
MN 0004	Vũ Thị Chung	01.10.1993	Nông Trường Triệu Sơn	Nông Trường Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	11.00	5.00	16.00
MN 0005	Phạm Thị Chuyên	25.03.1985	Xuân Thịnh Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0006	Lê Thị Dung	17.06.1992	Cán Khê Như Thanh	Thọ Sơn Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	74.00		74.00
MN 0007	Lê Thị Kim Dung	27.03.1987	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	30.00		30.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0008	Lê Thùy Dung	30.03.1991	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	22.00		22.00
MN 0009	Nguyễn Thị Kim Dung	23.03.1985	Thọ Tân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	66.00		66.00
MN 0010	Lê Thị Dương	13.03.1986	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00	5.00	55.00
MN 0011	Nguyễn Thị Duyên	05.11.1985	Thọ Vực Triệu Sơn	Thọ Vực Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	25.00		25.00
MN 0012	Nguyễn Thị Gái	28.09.1983	Dân Lực Triệu Sơn	Dân Lực Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0013	Lê Thị Giang	30.10.1987	Thọ Ngọc Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	52.00		52.00
MN 0014	Lê Thị Giang	15.07.1991	TT Nưa Triệu Sơn	TT Nưa Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	53.00		53.00
MN 0015	Lê Thị Giang	06.03.1986	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
MN 0016	Lê Thị Bích Hà	16.05.1985	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
MN 0017	Lê Thị Hà	09.04.1987	Tiến Nông Triệu Sơn	Tiến Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	52.00		52.00
MN 0018	Lê Thị Hà	18.05.1992	Vân Sơn Triệu Sơn	Vân Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
MN 0019	Nguyễn Thị Hà	24.03.1993	Thái Hòa Triệu Sơn	Thái Hòa Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0020	Phan Thị Hà	30.04.1989	Thọ Cường Triệu Sơn	Xuân Thọ Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0021	Thiều Thị Hà	04.12.1992	Thái Hòa Triệu Sơn	Thái Hòa Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	25.00		25.00
MN 0022	Vũ Thị Thanh Hà	23.03.1994	Đồng Lợi Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	83.00		83.00
MN 0023	Nguyễn Thị Hải	20.08.1986	Thọ Ngọc Triệu Sơn	Thọ Ngọc Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	72.00		72.00
MN 0024	Nguyễn Thị Hân	15.10.1989	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Thế Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	71.50		71.50
MN 0025	Hà Thị Hằng	16.09.1986	Hợp Tiến Triệu Sơn	Hợp Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0026	Lê Thị Hằng	27.07.1983	Vân Sơn Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	47.50		47.50
MN 0027	Trịnh Thị Hằng	18.06.1987	Minh Dân Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	47.00		47.00
MN 0028	Trịnh Thị Hằng	20.10.1987	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	38.00	5.00	43.00
MN 0029	Vũ Thị Hằng	16.07.1986	Nông Trường Triệu Sơn	Nông Trường Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	54.00		54.00
MN 0030	Vũ Thị Hằng	20.05.1987	Thọ Tiến Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.50		55.50
MN 0031	Lê Thị Hạnh	15.06.1990	Thọ Sơn Triệu Sơn	Thọ Sơn Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	58.00		58.00
MN 0032	Lê Thị Hạnh	06.09.1986	Minh Dân Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
MN 0033	Lê Thị Hào	16.02.1986	Đồng Lợi Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	80.00		80.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0034	Hoàng Thị Hiên	02.12.1987	Yên Khang Ý Yên	Thọ Phú Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	69.00		69.00
MN 0035	Nguyễn Thị Hiên	10.02.1989	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	42.50		42.50
MN 0036	Đặng Thị Hiền	01.10.1984	Thọ Tân Triệu Sơn	Minh Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
MN 0037	Đào Thị Hiền	15.08.1984	Xuân Du Như Thanh	Xuân Du Như Thanh	ĐH	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
MN 0038	Đỗ Thị Hiền	03.07.1985	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0039	Hồ Thị Hiền	06.05.1987	Nông Trường Triệu Sơn	Nông Trường Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.00		55.00
MN 0040	Lê Thị Hiền	05.10.1991	Thọ Tiến Triệu Sơn	TT Lam Sơn Thọ Xuân	CĐ	Sư phạm mầm non	55.00		55.00
MN 0041	Nguyễn Thị Hiền	20.08.1986	Thái Hòa Triệu Sơn	Thái Hòa Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	65.00		65.00
MN 0042	Trần Thị Hiền	05.02.1991	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
MN 0043	Vũ Thị Hiền	10.10.1985	Thọ Phú Triệu Sơn	Dân Lực Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
MN 0044	Nguyễn Thị Hiếu	21.10.1985	Minh Dân Triệu Sơn	Minh Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
MN 0045	Hoàng Thị Hoa	19.05.1988	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.00		55.00
MN 0046	Lê Thị Hoa	26.11.1991	Hợp Thắng Triệu Sơn	Hợp Thắng Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	65.00		65.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0047	Phạm Thị Hoa	20.07.1987	Yên Lễ Như Xuân	Bình Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0048	Phạm Thị Hòa	20.10.1988	An Nông Triệu Sơn	An Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
MN 0049	Lê Thị Hoài	05.10.1982	Minh Dân Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
MN 0050	Nguyễn Thị Hòi	17.01.1988	Khuyến Nông Triệu Sơn	Khuyến Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
MN 0051	Cao Thị Hồng	16.01.1987	Thọ Cường Triệu Sơn	Thọ Cường Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
MN 0052	Hà Thị Hồng	20.10.1983	Thọ Phú Triệu Sơn	Thọ Phú Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	41.00		41.00
MN 0053	Lò Thị Hồng	21.04.1992	Bình Sơn Triệu Sơn	Bình Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	40.00	5.00	45.00
MN 0054	Ngô Thị Hồng	10.08.1989	Xuân Thọ Triệu Sơn	Xuân Thọ Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	51.00		51.00
MN 0055	Nguyễn Thị Hồng	05.10.1989	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.00	5.00	60.00
MN 0056	Lê Thị Huế	16.03.1993	Thái Hòa Triệu Sơn	Thái Hòa Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0057	Trịnh Thị Huế	08.01.1987	Hợp Thắng Triệu Sơn	An Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	40.00		40.00
MN 0058	Hoàng Thị Huệ	10.12.1988	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
MN 0059	Lê Thị Hương	21.01.1987	Đồng Thắng Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	71.50		71.50

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0060	Lê Thị Hương	01.10.1987	Thọ Cường Triệu Sơn	Thọ Cường Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	45.00	5.00	50.00
MN 0061	Lê Thị Hương	12.05.1990	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	75.50		75.50
MN 0062	Phạm Thị Hương	27.07.1990	Cẩm Liên Cẩm Thủy	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.00	5.00	75.00
MN 0063	Trần Thị Hương	17.10.1984	Đồng Lợi Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	45.00		45.00
MN 0064	Lê Thị Hường	07.03.1984	Xuân Thịnh Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	40.00		40.00
MN 0065	Thiều Thị Hường	14.09.1991	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0066	Nguyễn Thị Huyền	26.05.1985	Dân Quyền Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	71.00	5.00	76.00
MN 0067	Trần Thị Huyền	23.06.1985	Thái Hòa Triệu Sơn	Thái Hòa Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
MN 0068	Nguyễn Thị Thu Huyền	20.10.1992	Thọ Tân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	40.00		40.00
MN 0069	Nguyễn Thị Khánh	06.10.1983	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	65.00		65.00
MN 0070	Hoàng Thị Ánh Kim	19.08.1989	Tiến Nông Triệu Sơn	Tiến Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0071	Lê Thị Lài	06.08.1987	Xuân Lộc Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	75.00		75.00
MN 0072	Nguyễn Thị Lài	19.05.1990	Thọ Ngọc Triệu Sơn	Thọ Ngọc Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0073	Đào Thị Lan	10.03.1983	Tiến Nông Triệu Sơn	Tiến Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.00	5.00	60.00
MN 0074	Hà Thị Lan	14.07.1987	Minh Châu Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	69.00		69.00
MN 0075	Bùi Thị Lê	07.05.1988	Dân Lý Triệu Sơn	Dân Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.00		55.00
MN 0076	Phạm Thị Lê	15.01.1989	Hợp Thắng Triệu Sơn	Hợp Thắng Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	52.00		52.00
MN 0077	Nguyễn Thị Lệ	12.10.1984	Thiệu Lý Thiệu Hóa	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	66.50		66.50
MN 0078	Lê Thị Liên	09.11.1989	Xuân Lộc Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	51.50		51.50
MN 0079	Nguyễn Thị Liên	06.06.1986	Đồng Thắng Triệu Sơn	Đồng Thắng Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	66.00		66.00
MN 0080	Lê Thị Linh	17.08.1991	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.50	5.00	65.50
MN 0081	Trần Thị Loan	15.03.1987	Thọ Tiến Triệu Sơn	Thọ Tiến Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	55.00	5.00	60.00
MN 0082	Lê Thị Luận	20.09.1991	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Ngọc Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	62.00		62.00
MN 0083	Lê Thị Lương	01.07.1991	Thọ Dân Triệu Sơn	Thái Hòa Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	13.50		13.50
MN 0084	Lê Thị Luyến	14.08.1986	Tân Ninh Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	64.50		64.50
MN 0085	Nguyễn Thị Luyến	10.03.1986	Thọ Thế Triệu Sơn	Thọ Thế Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0086	Trần Thị Lý	21.11.1989	Đồng Lợi Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	61.50		61.50
MN 0087	Lê Thị Mai	15.06.1989	Tân Ninh Triệu Sơn	TT Nura Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	59.50		59.50
MN 0088	Lê Thị Mai	22.11.1984	Tân Ninh Triệu Sơn	TT Nura Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	67.50		67.50
MN 0089	Lê Thị Mai	27.01.1991	Thọ Ngọc Triệu Sơn	Thọ Ngọc Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	19.00	5.00	24.00
MN 0090	Đinh Thị Minh	16.01.1987	Đồng Thắng Triệu Sơn	Đồng Thắng Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	71.00		71.00
MN 0091	Chu Thị Nga	19.11.1989	Thọ Phú Triệu Sơn	Thọ Vực Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	54.50	5.00	59.50
MN 0092	Hoàng Thị Nga	10.07.1984	Đồng Thắng Triệu Sơn	Đồng Thắng Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	69.00		69.00
MN 0093	Lê Thị Nga	15.04.1984	Xuân Thịnh Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	30.00		30.00
MN 0094	Lê Thị Ngân	12.07.1982	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	67.00		67.00
MN 0095	Đinh Thị Ngọc	10.05.1989	Đồng Thắng Triệu Sơn	Đồng Thắng Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
MN 0096	Lê Thị Ngọc	20.08.1988	Hợp Thắng Triệu Sơn	Minh Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	30.00		30.00
MN 0097	Lê Thị Nguyệt	28.12.1988	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	32.50		32.50
MN 0098	Lê Thị Nguyệt	17.08.1989	Xuân Lộc Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	51.00		51.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0099	Nguyễn Thị Nguyệt	15.08.1988	Thọ Tân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
MN 0100	Lê Thị Nhung	05.05.1988	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.50		70.50
MN 0101	Nguyễn Thị Nhung	04.09.1991	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	30.50		30.50
MN 0102	Vũ Thị Nhung	20.12.1991	Thái Hòa Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	66.00		66.00
MN 0103	Nguyễn Thị Nụ	29.08.1987	Dân Lực Triệu Sơn	Hợp Thắng Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	25.00		25.00
MN 0104	Đào Thị Oanh	13.04.1987	Nông Trường Triệu Sơn	Tiến Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.00		55.00
MN 0105	Lê Thị Phương	19.12.1988	Xuân Lộc Triệu Sơn	Xuân Lộc Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
MN 0106	Lê Thị Phương	10.05.1986	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
MN 0107	Hà Thị Phượng	14.06.1988	Thọ Ngọc Triệu Sơn	Thọ Ngọc Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	65.50	5.00	70.50
MN 0108	Trần Thị Phượng	10.04.1987	Hợp Lý Triệu Sơn	Hợp Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
MN 0109	Nguyễn Thị Quyên	19.02.1987	Vân Sơn Triệu Sơn	Vân Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	58.50		58.50
MN 0110	Lê Thị Như Quỳnh	10.08.1991	Xuân Thịnh Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	32.00		32.00
MN 0111	Trần Thị Quỳnh	02.07.1992	Hợp Thắng Triệu Sơn	Cán Khê Như Thanh	CĐ	Sư phạm mầm non	70.00		70.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0112	Đào Thị Sợi	01.06.1983	Thọ Tân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
MN 0113	Trịnh Thị Tâm	10.06.1986	Hợp Thắng Triệu Sơn	Hợp Thắng Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	54.50		54.50
MN 0114	Trần Thị Thanh Tâm□	03.07.1987	Tân Ninh Triệu Sơn	An Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.50	5.00	75.50
MN 0115	Lê Thị Thắm	01.05.1985	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
MN 0116	Nguyễn Thị Thắm	20.02.1988	Thọ Phú Triệu Sơn	Thọ Phú Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	56.00		56.00
MN 0117	Phạm Thị Thắm	20.09.1994	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0118	Bùi Thị Thanh	05.07.1986	Diễn Quang Bá Thước	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00	5.00	55.00
MN 0119	Lê Thị Thanh	10.12.1990	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	51.00		51.00
MN 0120	Bùi Thị Thảo	30.01.1990	Thọ Sơn Triệu Sơn	Thọ Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	45.00	5.00	50.00
MN 0121	Đỗ Thị Thẽ	10.09.1985	Khuyến Nông Triệu Sơn	Khuyến Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	65.00		65.00
MN 0122	Thiều Thị Thịnh	02.09.1986	Thái Hòa Triệu Sơn	Thái Hòa Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.00		55.00
MN 0123	Trịnh Thị Thoa	02.07.1988	Thọ Sơn Triệu Sơn	Thọ Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	40.00	5.00	45.00
MN 0124	Vũ Thị Thoa	20.11.1986	Minh Châu Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0125	Bùi Thị Thơm	16.03.1985	Thọ Sơn Triệu Sơn	Thọ Sơn Triệu Sơn	CD	Sư phạm mầm non	59.00	5.00	64.00
MN 0126	Hồ Thị Thơm	28.09.1986	Hợp Lý Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	CD	Sư phạm mầm non	55.00		55.00
MN 0127	Đỗ Thị Thu	10.10.1983	Tiến Nông Triệu Sơn	Tiến Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	41.00		41.00
MN 0128	Nguyễn Thị Thu	20.08.1988	Đồng Lợi Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
MN 0129	Lê Thị Thương	04.10.1989	Đồng Thắng Triệu Sơn	Đồng Thắng Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.00		55.00
MN 0130	Lê Thị Thương	11.10.1993	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
MN 0131	Đỗ Thị Thúy	18.01.1985	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	40.00	5.00	45.00
MN 0132	Hoàng Thị Thúy	13.02.1982	Thọ Phú Triệu Sơn	Thọ Phú Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.00	5.00	60.00
MN 0133	Nhữ Thị Thúy	25.11.1981	Đồng Tiến Triệu Sơn	Dân Lực Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	61.00	5.00	66.00
MN 0134	Trần Thị Thúy	02.07.1994	Hợp Lý Triệu Sơn	Hợp Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	41.00		41.00
MN 0135	Trịnh Thị Thúy	19.05.1986	Dân Lực Triệu Sơn	Thọ Vực Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
MN 0136	Lê Thị Thùy	03.01.1993	Xuân Hưng Thọ Xuân	Xuân Hưng Thọ Xuân	ĐH	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
MN 0137	Hà Thị Thủy	24.07.1988	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	46.00	5.00	51.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0138	Lê Thị Thủy	20.03.1988	Nông Trường Triệu Sơn	Nông Trường Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
MN 0139	Lê Thị Thủy	25.05.1988	Thọ Cường Triệu Sơn	Thọ Cường Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	42.50	5.00	47.50
MN 0140	Lê Thị Thủy	20.11.1982	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	40.00		40.00
MN 0141	Lê Thị Tính	28.10.1988	Thọ Ngọc Triệu Sơn	Thọ Ngọc Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
MN 0142	Lê Thị Tình	18.12.1990	Khuyến Nông Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	63.50		63.50
MN 0143	Lê Thị Tình	24.08.1987	Hoàng Long Hoàng Hóa	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	55.00		55.00
MN 0144	Trần Thị Tình	05.09.1987	Quảng Nham Quảng Xương	Thọ Ngọc Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
MN 0145	Đỗ Thị Trang	12.03.1990	Thọ Bình Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	39.00		39.00
MN 0146	Lê Thị Trang	17.01.1987	Dân Quyền Triệu Sơn	P. Trường Thi TP Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm mầm non	31.00		31.00
MN 0147	Lê Thị Trang	10.12.1990	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	66.00		66.00
MN 0148	Mai Thị Trang	16.01.1993	Dân Quyền Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	40.00		40.00
MN 0149	Tổng Thị Trang	08.05.1989	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	36.00		36.00
MN 0150	Mai Thị Tươi	16.02.1982	Đồng Lợi Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	66.00		66.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MN 0151	Trần Thị Tươi	16.11.1989	Hợp Lý Triệu Sơn,	Hợp Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	51.00		51.00
MN 0152	Hoàng Thị Vang	20.10.1986	Thái Hòa Triệu Sơn	Thái Hòa Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	59.00		59.00
II	GIAO VIÊN MẦM NON								
0MN 001	Bùi Lan Anh	01.05.1999	Thọ Sơn Triệu Sơn	TT Sao Vàng Thọ Xuân	TC	Sư phạm mầm non	73.50	5.00	78.50
0MN 002	Đặng Thị Vân Anh	28.03.1996	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 003	Cao Thị Ngọc Châm	28.12.1995	Quảng Hải Quảng Xương	TT Sao Vàng Thọ Xuân	TC	Sư phạm mầm non	75.00		75.00
0MN 004	Hà Thị Việt Chinh	02.12.1996	Luận Thành Thường Xuân	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	74.50		74.50
0MN 005	Hà Thị Dịu	26.04.1997	Triệu Thành Triệu Sơn	Triệu Thành Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	72.00		72.00
0MN 006	Đỗ Thị Thùy Dung	17.10.1996	Hợp Lý Triệu Sơn	Hợp Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	52.00		52.00
0MN 007	Lê Thị Dung	15.08.1985	TT Nưa Triệu Sơn	TT Nưa Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	73.00		73.00
0MN 008	Nguyễn Thị Duyên	10.10.1989	Hợp Lý Triệu Sơn	Hợp Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 009	Trần Thị Duyên	08.08.1987	Hợp Lý Triệu Sơn	Minh Sơn Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	74.50		74.50
0MN 010	Lê Thị Hương Giang	27.11.1997	Vân Sơn Triệu Sơn	Dân Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
0MN 011	Lê Thị Hương Giang	04.11.1995	TT Nura Triệu Sơn	TT Nura Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	30.00		30.00
0MN 012	Nguyễn Thị Hà	06.09.1994	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	72.00		72.00
0MN 013	Phạm Thị Hà	24.09.1982	Cẩm Sơn Cẩm Thủy	Vĩnh Long Vĩnh Lộc	ĐH	Sư phạm mầm non	64.00	5.00	69.00
0MN 014	Nguyễn Thị Hải	08.08.1982	Hoàng Khánh Hoàng Hóa	Hoàng Phụng Hoàng Hóa	TC	Sư phạm mầm non	80.00	5.00	85.00
0MN 015	Lê Thị Hằng	21.10.1996	TT Nura Triệu Sơn	TT Nura Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 016	Lê Thị Hằng	11.09.1996	Thọ Vực Triệu Sơn	Thọ Vực Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 017	Lê Thị Hạnh	13.06.1984	Đồng Thắng Triệu Sơn	Đồng Thắng Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 018	Lê Thị Hào	29.04.1991	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Cường Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	74.00		74.00
0MN 019	Trần Thị Hậu	16.09.1986	Xuân Thọ Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	74.00		74.00
0MN 020	Lê Thị Út Hiền	01.04.1991	Đồng Hòa Đông Sơn	Đồng Hòa Đông Sơn	TC	Sư phạm mầm non	64.00		64.00
0MN 021	Trịnh Thị Hiền	01.09.1993	Xuân Du Như Thanh	Hợp Thành Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 022	Trương Thị Hiền	03.12.1985	Lương Ngoại Bá Thước	Thiệu Nguyên Thiệu Hóa	TC	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 023	Lê Thị Hòa	13.02.1991	Bình Lương Như Xuân	Dân Quyền Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	68.50		68.50

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
0MN 024	Ngô Thị Hòa	29.09.1990	Đồng Thắng Triệu Sơn	Dân Lý Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 025	Lê Thị Hoài	24.02.1994	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 026	Lê Thị Hoàn	17.09.1995	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	73.50		73.50
0MN 027	Đỗ Thị Hồng	24.03.1987	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Quyền Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 028	Phạm Thị Hồng	20.09.1987	Thọ Thế Triệu Sơn	An Nông Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 029	Lê Thị Huệ	02.09.1984	Thiệu Minh Thiệu Hóa	Thiệu Nguyên Thiệu Hóa	TC	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 030	Lê Thị Hương	16.05.1990	TT Nưa Triệu Sơn	TT Nưa Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 031	Lê Thu Hương	20.03.1993	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
0MN 032	Nguyễn Thị Mai Hương	19.10.1989	Liên Lộc Hậu Lộc	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	71.00		71.00
0MN 033	Vũ Thị Hương	21.06.1985	Thái Hòa Triệu Sơn	Thái Hòa Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	72.50		72.50
0MN 034	Lê Thị Hường	16.06.1990	Thọ Ngọc Triệu Sơn	Thọ Ngọc Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	71.00		71.00
0MN 035	Phạm Thị Lâm Hương	08.02.1994	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	75.00	5.00	80.00
0MN 036	Hà Thị Huyền	13.09.1988	Triệu Thành Triệu Sơn	Triệu Thành Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	71.00		71.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
0MN 037	Vũ Thị Huyền	26.09.1992	Thọ Tiến Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	71.50		71.50
0MN 038	Hà Thị Khuyên	15.05.1988	Hợp Tiến Triệu Sơn	Hợp Lý Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	75.00		75.00
0MN 039	Vũ Thị Lại	20.09.1993	Thọ Dân Triệu Sơn	Xuân Thọ Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	72.00		72.00
0MN 040	Nguyễn Thị Lê	28.02.1994	Thọ Thế Triệu Sơn	Thọ Cường Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 041	Lê Thị Liên	05.01.1997	Đông Minh Đông Sơn	Đông Minh Đông Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
0MN 042	Đinh Thị Linh	04.10.1995	Thọ Ngọc Triệu Sơn	Thọ Ngọc Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 043	Hà Thị Linh	10.10.1996	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	80.00		80.00
0MN 044	Lê Thị Thùy Linh	26.06.1993	TT Nưa Triệu Sơn	TT Nưa Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	30.00		30.00
0MN 045	Trần Thị Mỹ Linh	30.05.1997	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Quyền Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	83.50		83.50
0MN 046	Lê Thị Loan	23.06.1990	Xuân Lộc Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	21.00	5.00	26.00
0MN 047	Trịnh Thảo Ly	28.03.1998	Thọ Tân Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 048	Bùi Thị Lý	16.07.1994	Hợp Lý Triệu Sơn	Triệu Thành Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	50.00		50.00
0MN 049	Lê Thị Minh	21.11.1995	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.00		70.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
0MN 050	Hà Thị Nga	14.10.1992	TT Thọ Xuân Thọ Xuân	Thọ Cường Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 051	Hoàng Thị Nga	02.03.1994	Dân Lực Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	CD	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 052	Hà Thị Ngân	08.04.1996	Triệu Thành Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	CD	Sư phạm mầm non	41.00		41.00
0MN 053	Trần Thị Ngân	15.06.1982	Thọ Vực Triệu Sơn	Thọ Vực Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	70.00	5.00	75.00
0MN 054	Đặng Thị Ngoan	01.09.1997	Thọ Diên Thọ Xuân	Thọ Diên Thọ Xuân	CD	Sư phạm mầm non	30.00		30.00
0MN 055	Lê Thị Ngoan	10.11.1988	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	70.50	5.00	75.50
0MN 056	Lê Thị Ngọc	23.02.1995	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 057	Lê Thị Nguyệt	27.01.1991	Xuân Thọ Triệu Sơn	Xuân Thọ Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	65.50	5.00	70.50
0MN 058	Hà Thị Nhung	21.08.1998	Triệu Thành Triệu Sơn	Triệu Thành Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	71.00		71.00
0MN 059	Lê Thị Nhung	12.03.1985	Hoàng Thắng Hoàng Hóa	Đông Khê Đông Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	63.50		63.50
0MN 060	Nguyễn Thị Nhung	28.05.1995	Triệu Thành Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	65.00		65.00
0MN 061	Hoàng Thị Oanh	08.05.1993	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 062	Lê Thị Lan Phương	09.05.1993	Thọ Tân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
0MN 063	Nguyễn Thị Phương	26.12.1992	Tân Thành Thường Xuân	Thọ Vực Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 064	Trần Thị Phương	08.11.1997	Đồng Lợi Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 065	Lê Thị Phụng	15.10.1991	Đồng Thanh Đông Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 066	Nguyễn Thị Phụng	21.09.1991	Dân Lực Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	75.00		75.00
0MN 067	Vũ Thị Phụng	03.03.1994	Đồng Lợi Triệu Sơn	Nga Phụng Nga Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	69.00		69.00
0MN 068	Trịnh Thị Quý	06.05.1989	TT Nưa Triệu Sơn	TT Nưa Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	75.50		75.50
0MN 069	Đỗ Thị Thu Quỳnh	07.08.1998	Thọ Phú Triệu Sơn	Thọ Phú Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	73.50		73.50
0MN 070	Phạm Thị Quỳnh	07.07.1994	Thọ Tân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	76.00		76.00
0MN 071	Lê Thị Sáu	04.05.1984	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	61.00		61.00
0MN 072	Phạm Thị Thắm	04.06.1991	Nông Trường Triệu Sơn	Nông Trường Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 073	Bùi Thị Thảo	13.11.1997	Quảng Yên Quảng Xương	Khuyến Nông Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	71.00		71.00
0MN 074	Đặng Thị Thảo	26.11.1992	Thọ Phú Triệu Sơn	Thọ Phú Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	74.00		74.00
0MN 075	Vũ Thị Thảo	10.05.1990	Minh Châu Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	75.00		75.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
0MN 076	Trần Thị Thoa	15.02.1979	Thọ Tân Triệu Sơn	Minh Sơn Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	50.50		50.50
0MN 077	Bùi Thị Thom	07.08.1988	Thiệu Vũ Thiệu Hóa	TT Thiệu Hóa Thiệu Hóa	TC	Sư phạm mầm non	60.00		60.00
0MN 078	Phạm Thị Thương	20.04.1992	Dân Quyền Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	71.00		71.00
0MN 079	Trịnh Thị Thúy	20.06.1993	Xuân Lai Thọ Xuân	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	45.00		45.00
0MN 080	Đào Thị Thùy	27.12.1996	Vạn Thắng Nông Cống	Thọ Dân Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	76.00		76.00
0MN 081	Đỗ Thị Thùy	20.10.1993	Minh Sơn Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	71.00		71.00
0MN 082	Nguyễn Thị Thủy	16.04.1993	Ngọc Trung Ngọc Lặc	TT Nura Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 083	Hoàng Thị Trang	29.01.1989	Thọ Tiến Triệu Sơn	Thọ Tiến Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	70.00		70.00
0MN 084	Lê Thị Thu Trang	26.05.1997	Mỹ Lương Chương Mỹ	Thọ Vực Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 085	Lê Thị Thu Trang	28.10.1995	Đông Khê Đông Sơn	Minh Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	68.00		68.00
0MN 086	Đỗ Thị Tươi	20.08.1993	Yên Lạc Như Thanh	Yên Lạc Như Thanh	ĐH	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		
0MN 087	Mai Thị Tuyên	15.09.1992	Hải Hà Tĩnh Gia	Thọ Ngọc Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	45.00		45.00
0MN 088	Nguyễn Thị Tuyết	20.12.1997	TT Nura Triệu Sơn	TT Nura Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	Không dự phỏng vấn		

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
OMN 089	Vũ Thị Tuyết	08.01.1993	Thọ Sơn Triệu Sơn	Hợp Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	72.00	5.00	77.00
OMN 090	Khuông Thị Vui	10.08.1992	Dân Quyền Triệu Sơn	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mầm non	72.00		72.00
OMN 091	Tạ Thị Xuân	06.02.1997	Luận Khê Thường Xuân	Luận Khê Thường Xuân	ĐH	Sư phạm mầm non	40.00	5.00	45.00
OMN 092	Lê Thị Yến	10.08.1989	Hợp Lý Triệu Sơn	Hợp Lý Triệu Sơn	TC	Sư phạm mầm non	71.00		71.00
B	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC								
I	GIÁO VIÊN VĂN HÓA								
TH 001	Dương Thị Vân Anh	06.10.1997	Thọ Nguyên Thọ Xuân	Thọ Nguyên Thọ Xuân	ĐH	Sư phạm tiểu học	60.00		60.00
TH 002	Trần Thị Ngọc Anh	17.10.1997	Xuân Cao Thường Xuân	Xuân Cao Thường Xuân	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 003	Trịnh Đình Bình	29.06.1983	Quý Lộc Yên Định	TT Kim Tân Thạch Thành	CĐ	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 004	Nguyễn Thị Dung	27.06.1996	Dân Lực Triệu Sơn	Dân Lực Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	60.00		60.00
TH 005	Lê Thị Duyên	21.09.1997	TT Lang Chánh Lang Chánh	TT Lang Chánh Lang Chánh	ĐH	Sư phạm tiểu học	54.00	5.00	59.00
TH 006	Nguyễn Thị Duyên	08.07.1995	Tân Hương Đức Thọ - HT	Thọ Bình Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 007	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	14.12.1997	Hà Hải Hà Trung	Hà Hải Hà Trung	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
TH 008	Phạm Thu Hà	28.03.1996	Thiết Ống Bá Thước	Thiết Ống Bá Thước	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 009	Nguyễn Thị Hải	03.11.1996	Thọ Thanh Thường Xuân	Thọ Thanh Thường Xuân	ĐH	Sư phạm tiểu học	54.00		54.00
TH 010	Lê Thị Thu Hằng	08.08.1997	Thọ Vực Triệu Sơn	Thọ Vực Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm tiểu học	63.00		63.00
TH 011	Trịnh Thị Hiến	24.09.1986	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	56.00		56.00
TH 012	Lê Như Hoa	20.07.1992	Đông Khê Đông Sơn	P. Phú Sơn TP Thanh Hóa	CĐ	Sư phạm tiểu học	50.00		50.00
TH 013	Lê Thị Hòa	24.04.1989	Công Liêm Nông Cống	P. Hai Thượng Lãn Ông TP Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm tiểu học	66.00		66.00
TH 014	Lê Thị Hòa	12.06.1991	Thọ Lộc Thọ Xuân	Thọ Lộc Thọ Xuân	ĐH	Sư phạm tiểu học	65.00		65.00
TH 015	Nguyễn Thị Hoài	07.06.1996	Điền Lư Bá Thước	Điền Lư Bá Thước	ĐH	Sư phạm tiểu học	54.00	5.00	59.00
TH 016	Nguyễn Thị Hồng	09.03.1983	Yên Thọ Yên Định	Thượng Ninh Như Xuân	ĐH	Sư phạm tiểu học	55.00		55.00
TH 017	Vũ Thị Hồng	30.12.1995	Quảng Phú Thọ Xuân	Quảng Phú Thọ Xuân	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 018	Nguyễn Thị Bích Huệ	10.05.1997	Tiến Nông Triệu Sơn	Tiến Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 019	Nguyễn Thị Huệ	28.03.1991	Dân Lực Triệu Sơn	Dân Lực Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	65.00		65.00
TH 020	Quách Thị Huệ	28.07.1991	Xuân Du Như Thanh	Xuân Du Như Thanh	ĐH	Sư phạm tiểu học	69.00	5.00	74.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
TH 021	Trần Thị Hương	06.06.1985	Yên Trung Yên Định	P. Phú Sơn TP Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm tiểu học	50.00		50.00
TH 022	Mai Thị Hường	16.04.1989	Quảng Thịnh TP Thanh Hóa	P. Đông Vệ TP Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm tiểu học	75.00		75.00
TH 023	Phạm Thu Hường	01.05.1997	Nga Thủy Nga Sơn	Nga Thủy Nga Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	60.50		60.50
TH 024	Hà Thị Thanh Huyền	20.05.1990	Hợp Thành Triệu Sơn	Minh Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	60.00	5.00	65.00
TH 025	Phạm Thị Lan	22.02.1992	Ngọc Khê Ngọc Lặc	Tiến Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	75.50	5.00	80.50
TH 026	Cầm Thị Liên	26.05.1993	Xuân Lộc Thường Xuân	Luận Thành Thường Xuân	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 027	Tổng Thị Liên	19.05.1991	Lam Sơn Ngọc Lặc	Dân Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	50.00		50.00
TH 028	Trương Kim Liên	21.01.1997	Thiết Ống Bá Thước	Thiết Ống Bá Thước	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 029	Quách Thị Linh	03.02.1992	Ái Thượng Bá Thước	Tiến Nông Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	70.50	5.00	75.50
TH 030	Lê Thị Loan	05.06.1981	Xuân Khang Như Thanh	Đông Tân TP Thanh Hóa	TC	Sư phạm tiểu học	50.00		50.00
TH 031	Trương Thị Loan	01.12.1992	Cầm Tân Cẩm Thủy	Cầm Tân Cẩm Thủy	CĐ	Sư phạm tiểu học	55.00	5.00	60.00
TH 032	Lê Thị Khánh Ly	05.11.1997	Tân Thọ Nông Cống	Xuân Phúc Như Thanh	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 033	Vi Thị Mai	10.10.1993	Châu Thái Quỳnh Hợp	T.T. Quảng Xương Quảng Xương	ĐH	Sư phạm tiểu học	69.00	5.00	74.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
TH 034	Vũ Thị Ngân	02.04.1994	Vân Sơn Triệu Sơn	Vân Sơn Triệu Sơn	CD	Sư phạm tiểu học	60.00	5.00	65.00
TH 035	Lê Thị Nguyệt	20.04.1979	Thọ Tân Triệu Sơn	Dân Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	70.00		70.00
TH 036	Nguyễn Thị Nhó	19.05.1992	Hoàng Lý Hoàng Hóa	Thịệu Hợp Thịệu Hóa	CD	Sư phạm tiểu học	54.00		54.00
TH 037	Nguyễn Thị Phương	08.10.1991	Quảng Ninh Quảng Xương	Quảng Nhân Quảng Xương	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 038	Nguyễn Thu Phương	29.08.1998	Thọ Hải Thọ Xuân	TT Rừng Thông Đông Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	59.00		59.00
TH 039	Trịnh Thị Phương	16.07.1980	Thịệu Lý Thịệu Hóa	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	66.00		66.00
TH 040	Lê Thị Quyên	09.02.1997	Đông Hòa Đông Sơn	Đông Hòa Đông Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	60.00		60.00
TH 041	Lê Thị Quỳnh	27.02.1991	Thọ Tiến Triệu Sơn	Hợp Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	80.00		80.00
TH 042	Ngân Văn Tân	06.03.1994	Lâm Phú Lang Chánh	Lâm Phú Lang Chánh	ĐH	Sư phạm tiểu học	55.00	5.00	60.00
TH 043	Quách Thị Thanh	06.10.1995	Kim Sơn Kim Bôi, HB	P. Đông Hương TP Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 044	Lê Thị Thu	06.09.1989	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	59.50	5.00	64.50
TH 045	Lê Thị Thu	20.10.1985	Thịệu Toán Thịệu Hóa	TT Quang Xương Quảng Xương	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 046	Nguyễn Thị Lệ Thủy	01.04.1988	Thọ Trường Thọ Xuân	P. Tân Sơn TP Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm tiểu học	69.00		69.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
TH 047	Nguyễn Thị Thủy	20.07.1980	Đông Quang Đông Sơn	Quảng Thịnh TP Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 048	Trương Thị Thủy	28.08.1992	Thiệu Trung Thiệu Hóa	Thiệu Trung Thiệu Hóa	CĐ	Sư phạm tiểu học	52.00		52.00
TH 049	Trương Thị Thủy	07.12.1979	Nga Thành Nga Sơn,	Nga An Nga Sơn	TC	Sư phạm tiểu học	60.00		60.00
TH 050	Lê Thị Tĩnh	06.07.1985	Nguyệt Ấn Ngọc Lặc	Tam Văn Lang Chánh	TC	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 051	Lương Văn Toán	18.03.1986	Tam Văn Lang Chánh	Tam Văn Lang Chánh	CĐ	Sư phạm tiểu học	51.00	5.00	56.00
TH 052	Phạm Thu Trang	15.05.1997	Vân Am Ngọc Lặc	Vân Am Ngọc Lặc	ĐH	Sư phạm tiểu học	Không dự phỏng vấn		
TH 053	Hoàng Thị Tuyền	20.11.1986	Thọ Tiến Triệu Sơn	Hợp Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm tiểu học	93.50		93.50
II	GIÁO VIÊN THỂ DỤC								
TD 001	Hà Quang Anh	15.05.1982	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư Phạm thể dục thể thao	71.00		71.00
TD 002	Vũ Thị Chi	15.10.1985	Xuân Thiên Thọ Xuân	KP5, TT Nưa Triệu Sơn	ĐH	Sư Phạm thể dục thể thao	72.00		72.00
TD 003	Nguyễn Văn Anh Cường	15.05.1996	Thọ Vực Triệu Sơn	Thọ Vực Triệu Sơn	ĐH	Giáo dục thể chất	31.00		31.00
TD 004	Lê Thị Dung	22.06.1987	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm Thể dục - Công tác đội	Không dự phỏng vấn		
TD 005	Cao Thị Dương	02.10.1991	Đông Thanh Đông Sơn	Thiệu Trung Thiệu Hóa	ĐH	Giáo dục thể chất	Không dự phỏng vấn		

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
TD 006	Đào Thị Duyên	27.07.1985	An Nông Triệu Sơn	An Nông Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm thể dục công tác đội	77.00		77.00
TD 007	Nguyễn Thị Duyên	27.10.1987	Hải Châu Tĩnh Gia	TT Bến Sung Như Thanh	ĐH	Sư phạm Thể dục	Không dự phỏng vấn		
TD 008	Lê Thị Gấm	08.01.1985	Thọ Thế Triệu Sơn	Thọ Thế Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm thể dục- Giáo dục QP	50.50	5.00	55.50
TD 009	Chu Thị Hà	20.05.1985	Hải Vân Như Thanh	Đồng Tiến Đông Sơn	ĐH	Giáo dục thể chất	71.00		71.00
TD 010	Nguyễn Hữu Hào	15.08.1984	Hợp Lý Triệu Sơn	Hợp Lý Triệu Sơn	TC	Giáo dục thể chất	71.00	5.00	76.00
TD 011	Trịnh Thị Hiền	04.11.1984	Hợp Thắng Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	TC	Sư phạm Giáo dục thể chất	Không dự phỏng vấn		
TD 012	Lê Ngọc Hiếu	21.04.1997	Yên Phú Ý Yên, NB	Yên Phú Ý Yên, NB	CĐ	Giáo dục thể chất	64.00		64.00
TD 013	Đình Quang Hiệu	25.02.1982	TT Quán Lào Yên Định	TT Quán Lào Yên Định	CĐ	Giáo dục thể chất	72.00	5.00	77.00
TD 014	Đỗ Thị Hoa	03.12.1983	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư Phạm thể dục thể thao	70.00		70.00
TD 015	Đoàn Thị Huệ	17.03.1988	Quảng Định Quảng Xương	Quảng Đức Quảng Xương	ĐH	Sư Phạm thể dục, thể thao	61.00		61.00
TD 016	Vi Văn Nam	06.09.1987	Xuân Lộc Thường Xuân	Xuân Lộc Thường Xuân	CĐ	Sư phạm Giáo dục thể chất	Không dự phỏng vấn		
TD 017	Nhữ Mai Ninh	10.02.1985	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Giáo dục thể chất	71.50	5.00	76.50
TD 018	Nguyễn Thị Nội	03.07.1986	Đồng Tiến Đông Sơn	Đồng Tiến Đông Sơn	ĐH	Giáo dục thể chất	31.50		31.50

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
TD 019	Lê Tuấn Oanh	20.12.1987	Đồng Lợi Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	CĐ	Sư Phạm thể dục thể chất	72.50		72.50
TD 020	Lê Đình Quang	18.08.1985	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	TC	Sư phạm Thể dục thể thao	Không dự phỏng vấn		
TD 021	Lê Gia Quang	01.05.1984	Dân Lý Triệu Sơn	Dân Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư Phạm thể dục- Giáo dục quốc phòng	70.50		70.50
TD 022	Nguyễn Văn Quang	22.07.1984	Định Công Yên Định	Định Công Yên Định	ĐH	Sư Phạm thể dục- Giáo dục quốc phòng	71.00		71.00
TD 023	Trần Mạnh Quý	10.08.1989	Xuân Du Như Thanh	Xuân Du Như Thanh	ĐH	Giáo dục thể chất	67.00		67.00
TD 024	Lê Văn Sơn	10.06.1985	TT Nưa Triệu Sơn	TT Nưa Triệu Sơn	CĐ	Sư Phạm thể dục thể chất	71.00	5.00	76.00
TD 025	Nguyễn Thị Tân	25.04.1991	Thiệu Nguyên Thiệu Hóa	Thiệu Nguyên Thiệu Hóa	CĐ	Giáo dục thể chất	74.00		74.00
TD 026	Cao Văn Thái	16.09.1997	Lương Nội Bá Thước	Lương Nội Bá Thước	ĐH	Giáo dục thể chất	29.00	5.00	34.00
TD 027	Lê Thị Thanh	01.03.1985	Thọ Cường Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	CĐ	Sư Phạm thể dục	77.00		77.00
TD 028	Lê Thị Thanh	10.08.1986	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	CĐ	Giáo dục thể chất	70.00		70.00
TD 029	Hà Văn Thành	06.01.1988	Thọ Ngọc Triệu Sơn	Thọ Ngọc Triệu Sơn	ĐH	Giáo dục thể chất	81.50	5.00	86.50
TD 030	Lương Trọng Thành	18.02.1985	Tam Văn Lang Chánh	Tam Văn Lang Chánh	CĐ	Sư Phạm thể dục thể chất	70.00	5.00	75.00
TD 031	Lê Đình Thông	19.05.1987	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm Giáo dục thể chất	70.00		70.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
TD 032	Lê Thị Thương	19.05.1985	Đồng Tiến Triệu Sơn	Khuyến Nông Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm Giáo dục thể chất	70.00		70.00
TD 033	Lê Thị Thủy	10.05.1987	Đồng Hòa Đông Sơn	Cán Khê Như Thanh	ĐH	Giáo dục thể chất	68.00		68.00
TD 034	Nguyễn Thị Thủy	25.09.1984	Hợp Tiến Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm thể dục- Giáo dục QP	35.50		35.50
TD 035	Trần Thị Trang	25.05.1990	TT Nưa Triệu Sơn	Tế Thắng Nông Công	ĐH	Giáo dục thể chất	70.50		70.50
TD 036	Đào Khả Trung	10.11.1993	Dân Lý Triệu Sơn	Dân Lý Triệu Sơn	ĐH	Giáo dục thể chất	54.50		54.50
TD 037	Lê Thị Thanh Vân	28.01.1986	Thiệu Long Thiệu Hóa	Thiệu Duy Thiệu Hóa	ĐH	Sư phạm thể dục	51.50	5.00	56.50
TD 038	Lê Duy Việt	25.06.1986	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Sư Phạm thể dục thể thao	72.50		72.50
III	GIÁO VIÊN MỸ THUẬT								
MT 001	Hoàng Thị Dung	20.10.1990	Minh Sơn Triệu Sơn	Minh Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	24.00		24.00
MT 002	Hoàng Thị Giang	10.10.1984	Hoàng Giang Nông Công	Hoàng Giang Nông Công	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	35.50		35.50
MT 003	Hà Thị Hà	16.09.1986	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	81.00		81.00
MT 004	Nguyễn Thị Hạnh	12.02.1987	Xuân Giang Thọ Xuân	Thái Hòa Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	72.50		72.50
MT 005	Lê Thị Hiền Hòa	14.02.1987	Đông Phú Đông Sơn	P. Ba Đình TP Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	71.50		71.50

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MT 006	Nguyễn Thị Hoa Huệ	01.05.1988	Hợp Thắng Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	70.00		70.00
MT 007	Hà Thị Hương	07.06.1991	Cán Khê Như Thanh	Cán Khê Như Thanh	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	71.50	5.00	76.50
MT 008	Lê Thanh Huyền	17.12.1986	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	71.50		71.50
MT 009	Lê Thị Lan	01.03.1988	Thiệu Duy Thiệu Hóa	TT Thọ Xuân Thọ Xuân	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	70.00		70.00
MT 010	Nguyễn Thị Lợi	18.03.1986	Minh Tân Vĩnh Lộc	Minh Tân Vĩnh Lộc	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	71.50		71.50
MT 011	Phạm Thị Mai	18.03.1987	Hoàng Lộc Hoàng Hóa	Dân Lý Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	70.00		70.00
MT 012	Lê Thị Mừng	10.01.1985	Thọ Dân Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	73.50	5.00	78.50
MT 013	Hà Thị Nguyên	03.02.1986	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Thắng Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	0.75		0.75
MT 014	Trịnh Thị Nguyệt	13.10.1988	Vĩnh Phúc Vĩnh Lộc	Thọ Vực Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	69.50		69.50
MT 015	Bùi Thị Hồng Nhung	18.09.1986	Đông Nam Đông Sơn	Quảng Trường Quảng Xương	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	70.50		70.50
MT 016	Lê Thị Hồng Nhung	15.01.1988	Đông Minh Đông Sơn	P. An Hưng TP Thanh Hóa	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	Không dự phỏng vấn		
MT 017	Lê Thị Nhung	20.08.1987	Hoàng Long Hoàng Hóa	TT Hà Trung Hà Trung	TC	Sư phạm mỹ thuật	49.50		49.50
MT 018	Lê Thị Phương	15.07.1985	Hoàng Long Hoàng Hóa	Hà Tiến Hà Trung	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	66.50		66.50

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
MT 019	Lê Thị Ngọc Quyên	25.07.1987	Thọ Ngọc Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	75.50		75.50
MT 020	Lê Thị Quỳnh	26.01.1985	Hoàng Hợp Hoàng Hóa	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	57.00		57.00
MT 021	Nguyễn Đăng Sơn	20.12.1989	Thọ Tân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	77.00		77.00
MT 022	Lê Văn Tâm	16.06.1986	Thái Hòa Triệu Sơn	Thái Hòa Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	77.00	5.00	82.00
MT 023	Trần Ngọc Tân	15.12.1989	Dân Lý Triệu Sơn	Dân Lý Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	42.00		42.00
MT 024	Nguyễn Thị Thắm	20.11.1988	Đông Tiến Đông Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	78.50		78.50
MT 025	Lê Thị Thanh	30.05.1989	Minh Dân Triệu Sơn	Hoàng Phụ Hoàng Hóa	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	74.00		74.00
MT 026	Lê Thị Thúy	22.05.1986	TT Nưa Triệu Sơn	TT Nưa Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	28.00		28.00
MT 027	Hoàng Bích Thủy	05.06.1988	Dân Lực Triệu Sơn	Dân lực Triệu Sơn	ĐH	Sư phạm mỹ thuật	75.50		75.50
MT 028	Nguyễn Thị Trang	02.08.1988	Đồng Lợi Triệu Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	CĐ	Sư phạm mỹ thuật	78.00		78.00
IV	NHÂN VIÊN HÀNH CHÍNH KIỂM KẾ TOÁN								
KT 001	Bùi Thị Trung Anh	15.04.1994	Thọ Vực Triệu Sơn	Thọ Vực Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	77.00		77.00
KT 002	Lê Thị Anh	24.04.1990	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	63.50	5.00	68.50

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
KT 003	Lê Thị Ngọc Anh	06.02.1991	Cán Khê Như Thanh	Cán Khê Như Thanh	ĐH	Kế toán	55.50		55.50
KT 004	Lê Thị Vân Anh	11.11.1989	Thọ Tiến Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Tài chính ngân hàng	50.50		50.50
KT 005	Vũ Thị Ánh	16.02.1991	Thọ Tân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 006	Thiều Thị Bích	25.05.1992	Nông Trường Triệu Sơn	Nông Trường Triệu Sơn	CĐ	Kế toán	56.00		56.00
KT 007	Trịnh Thị Cúc	17.10.1992	Thọ Trường Thọ Xuân	Đông Khê Đông Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 008	Lê Thị Đại	25.07.1982	Thiệu Giao Thiệu Hóa	Thiệu Giao Thiệu Hóa	ĐH	Kế toán	80.00		80.00
KT 009	Bùi Thị Dung	06.10.1985	Dân Lý Triệu Sơn	Dân Lý Triệu Sơn	TC	Kế toán	73.50		73.50
KT 010	Lại Thị Dung	02.08.1995	Đông Tân TP Thanh Hóa	Đông Tân TP Thanh Hóa	ĐH	Kế toán	60.50		60.50
KT 011	Lê Thị Dung	15.04.1989	Thọ Tân Triệu Sơn	Dân Lực Triệu Sơn	TC	Kế toán	43.50		43.50
KT 012	Trần Thị Dung	16.01.1983	Nông Trường Triệu Sơn	Nông Trường Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	73.50		73.50
KT 013	Lê Thị Duyên	13.10.1992	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	42.50		42.50
KT 014	Mai Linh Giang	05.05.1993	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	60.50		60.50
KT 015	Lê Thanh Hà	19.08.1989	Xuân Thịnh Triệu Sơn	Thọ Thế Triệu Sơn	CĐ	Kế toán	26.00		26.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
KT 016	Lê Thị Hà	12.09.1986	Minh Châu Triệu Sơn	Minh Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	60.50		60.50
KT 017	Lê Thị Hà	09.10.1988	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	46.00	5.00	51.00
KT 018	Lê Thị Thu Hà	30.10.1997	Xuân Thịnh Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 019	Lê Thị Hải	09.10.1981	Dân Quyền Triệu Sơn	Thiệu Lý Thiệu Hóa	ĐH	Kế toán	54.00		54.00
KT 020	Lê Thị Hằng	10.09.1990	Đồng Tiến Triệu Sơn	Đồng Tiến Triệu Sơn	ĐH	Tài chính ngân hàng	55.00		55.00
KT 021	Lê Thị Hằng	09.06.1990	Xuân Hồng Thọ Xuân	Thống Nhất Yên Định	ĐH	Kế toán	31.50		31.50
KT 022	Lê Thị Thúy Hằng	02.09.1993	Hợp Tiến Triệu Sơn	Hợp Tiến Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	70.50		70.50
KT 023	Trương Thị Minh Hằng	20.08.1994	Hoàng Trường Hoàng Hóa	P Tân Sơn TP Thanh Hóa	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 024	Phạm Thị Hạnh	20.08.1993	Thọ Lộc Thọ Xuân	Nam Giang Thọ Xuân	ĐH	Kế toán	42.50		42.50
KT 025	Lê Thị Hảo	05.05.1988	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	44.50		44.50
KT 026	Đỗ Thị Hiền	15.08.1993	Quảng Phú Thọ Xuân	Thọ Tân Triệu Sơn	ĐH	Tài chính ngân hàng	30.00		30.00
KT 027	Hoàng Thu Hiền	10.09.1992	Thọ Tiến Triệu Sơn	Thọ Tiến Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	29.00		29.00
KT 028	Nguyễn Thị Hiệp	21.09.1990	Hoàng Lộc Hoàng Hóa	TT Tân Phong Quảng Xương	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
KT 029	Thiều Hồng Hiệp	13.03.1996	Xuân Yên Thọ Xuân	Dân Lý Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	76.00		76.00
KT 030	Lê Thị Hoa	26.05.1994	Thọ Dân Triệu Sơn,	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 031	Lê Thị Hòa	21.09.1994	Đông Ninh Đông Sơn	TT Rừng Thông Đông Sơn	ĐH	Kế toán	20.00		20.00
KT 032	Lê Thị Hồng	30.03.1989	Thọ Dân Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	44.00		44.00
KT 033	Lê Thị Hồng	26.03.1987	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Dân Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	39.00		39.00
KT 034	Lê Thị Huệ	13.01.1991	Thái Hòa Triệu Sơn	Đồng Thắng Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	70.00		70.00
KT 035	Bùi Thị Hương	02.11.1994	Dân Lý Triệu Sơn	Dân Lý Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 036	Nguyễn Thị Hương	03.08.1992	Dân Lực Triệu Sơn	Dân Lực Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 037	Lê Thị Hường	02.09.1983	Thọ Tân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	76.50		76.50
KT 038	Nguyễn Bá Huyền	30.09.1983	TT Nưa Triệu Sơn	TT Nưa Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	15.00		15.00
KT 039	Đình Thị Huyền	28.02.1996	Đồng Thắng Triệu Sơn	Đồng Thắng Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 040	Lê Thị Huyền	16.12.1986	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	Thọ Phú Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	76.00		76.00
KT 041	Lường Thị Lan	10.10.1984	Thọ Tân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	74.50		74.50

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
KT 042	Trần Thị Giang Lan	23.11.1990	Minh Dân Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	31.00		31.00
KT 043	Lê Thị Liên	10.06.1992	Minh Châu Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	40.00		40.00
KT 044	Lê Thị Thanh Linh	08.07. 1992	Thọ Dân Triệu Sơn	Thọ Tân Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	43.00		43.00
KT 045	Nguyễn Thị Thùy Linh	10.12.1993	Thuần Lộc Hậu Lộc	Thuần Lộc Hậu Lộc	ĐH	Kế toán	36.00		36.00
KT 046	Đào Thị Lương	05.05.1989	Dân Lý Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 047	Nguyễn Thị Mai	15.04.1993	Thọ Trường Thọ Xuân	Hợp Lý Triệu Sơn	CĐ	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 048	Hoàng Thị Mến	21.03.1987	P. Quảng Hưng TP Thanh Hóa	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	39.00		39.00
KT 049	Lê Thị Trà My	05.07.1993	Đông Hòa Đông Sơn	Đông Hòa Đông Sơn	ĐH	Kế toán	46.00		46.00
KT 050	Phạm Đình Nam	28.08.1990	Thọ Bình Triệu Sơn	P. Phú Sơn TP Thanh Hóa	Thạc sĩ	Kế toán	54.00		54.00
KT 051	Lê Thị Nga	07.05.1992	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	70.00		70.00
KT 052	Nguyễn Thị Nga	10.09.1994	Hoảng Trạch Hoảng Hóa	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	36.00		36.00
KT 053	Lê Thị Ngọc	17.08.1987	Dân Lý Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	TC	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 054	Dương Thị Hồng Nhung	10.10.1991	Thiệu Thịnh Thiệu Hóa	Bắc Lương Thọ Xuân	ĐH	Kế toán	79.50		79.50

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
KT 055	Lê Thị Nương	23.11.1986	Đông Hòa Đông Sơn	Đông Hòa Đông Sơn	ĐH	Kế toán	70.00		70.00
KT 056	Lê Thị Thu Nương	25.04.1990	Hoàng Sơn Nông Cống	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	32.00		32.00
KT 057	Lê Thị Oanh	04.06.1983	Thọ Tiến Triệu Sơn	P. Fansipan TX Sa Pa, Lào cai	ĐH	Kế toán	31.00		31.00
KT 058	Nguyễn Thị Oanh	13.09.1987	Định Liên Yên Định	Định Bình Yên Định	ĐH	Kế toán	71.00		71.00
KT 059	Đào Thị Hà Phương	25.11.1997	An Nông Triệu Sơn	An Nông Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 060	Trần Lý Thu Phương	15.03.1997	Xuân Tín Thọ Xuân	TT Thọ Xuân Thọ Xuân	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 061	Lê Thị Phượng	03.07.1984	Tân Ninh Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	35.50		35.50
KT 062	Lê Thị Phượng	17.01.1989	Xuân Thịnh Triệu Sơn	Xuân Thịnh Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 063	Cao Thị Tâm	13.08.1985	Trường Trung Nông Cống	Dân Quyền Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	74.50		74.50
KT 064	Nguyễn Thị Thanh Thanh	24.12.1992	Dân Lực Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Tài chính ngân hàng	73.00		73.00
KT 065	Trương Khắc Thành	16.10.1990	Dân Lực Triệu Sơn	Dân Lực Triệu Sơn	CĐ	Kế toán	31.00		31.00
KT 066	Lê Thị Thơm	20.11.1989	Hoàng Thịnh Hoàng Hóa	P. Tân Sơn TP Thanh Hóa	ĐH	Kế toán	75.50		75.50
KT 067	Nghiêm Thị Thu	03.04.1986	Nga An Nga Sơn	Đồng Lợi Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	71.00		71.00

Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn		Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo			
KT 068	Nguyễn Thị Thu	02.04.1985	Đông Quang Đông Sơn	Đông Quang Đông Sơn	TC	Kế toán	25.50		25.50
KT 069	Trịnh Thị Kim Thu	23.05.1989	Minh Sơn Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 070	Lê Thị Thuận	10.08.1987	Dân Quyền Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	73.00	5.00	78.00
KT 071	Lê Thị Thương	15.01.1991	Đồng Tiến Triệu Sơn	Thọ Thế Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	52.00	5.00	57.00
KT 072	Nguyễn Hoài Thương	03.07.1994	TT Nưa Triệu Sơn	TT Nưa Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	38.50		38.50
KT 073	Phùng Thị Thùy	12.04.1990	Yên Dương Hà Trung	P. Phú Sơn TP Thanh Hóa	ĐH	Kế toán	21.00		21.00
KT 074	Trương Thị Thùy	18.05.1984	Hoảng Phụ Hoảng Hóa	Hoảng Phụ Hoảng Hóa	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 075	Lê Thị Thu Thủy	13.09.1984	Tân Ninh Triệu Sơn	P. Tân Sơn TP Thanh Hóa	ĐH	Kế toán	Không dự phỏng vấn		
KT 076	Nguyễn Thị Thủy	25.02.1991	Khuyến Nông Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	70.50		70.50
KT 077	Hoàng Thị Huyền Trang	25.09.1991	Hợp Thành Triệu Sơn	Hợp Thành Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	30.50		30.50
KT 078	Trịnh Thị Trang	06.07.1990	Thọ Bình Triệu Sơn	Thọ Bình Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	30.50	5.00	35.50
KT 079	Lê Thị Thúy Vân	23.02.1996	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	TT Triệu Sơn Triệu Sơn	ĐH	Kế toán	73.00		73.00
KT 080	Nguyễn Thị Vân	17.08.1994	Ngọc Phụng Thường Xuân	TT Thọ Xuân Thọ Xuân	ĐH	Kế toán	56.00		56.00